

Số: 91/2020/QĐST-HNGĐ

Châu THnh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu: chị Hồ Thị Thu H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 342 ấp A, P, C, Bến Tre

Người yêu cầu: anh Huỳnh Trí K, sinh năm: 1979

Địa chỉ: 342 ấp A, P, C, Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh K tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 1999. Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Huỳnh Trí T sinh ngày 20/7/1999 và Huỳnh Khánh N sinh ngày 17/4/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên vợ chồng không hạnh phúc, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, chị H và anh K đã sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Chị H và anh K yêu cầu Tòa giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh K đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H và anh K là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị H và anh K thỏa thuận chị H sẽ là người trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 17/4/2010, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Huỳnh Khánh N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2020. Con chung tên Huỳnh Trí T sinh ngày 20/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: chị H và anh K thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị H và anh K thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] chị H và anh K tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị Thu H với anh Huỳnh Trí K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị H và anh K thống nhất chị H sẽ là người trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Khánh N sinh ngày 17/4/2010, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi Huỳnh Khánh N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2020. Con chung tên Huỳnh Trí T sinh ngày 20/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Huỳnh Trí K được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị H và anh K thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị H và anh K thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị H và anh K không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng. Chị Hồ Thị Thu H phải nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng mà **chị H** nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0009824** ngày **05/03/2020** của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Anh Huỳnh Trí K phải nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng mà **anh K** nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0009823** ngày **05/03/2020** của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị H và anh K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS;
- **UBND xã P;**
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh